

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2360/2018/DS-ST**

Ngày: 16/11/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh P

2. Bà Nguyễn Thị Bích T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu H – Cán bộ Tòa án nhân dân Bình T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bình T, Thành phố H tham gia phiên toà: Bà Trương Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Bình T, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2209/2017/TLST-DS ngày 15/11/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2018/QĐST-DS ngày 26/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T (S)

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Trường T**, sinh năm 1994

(Theo Giấy ủy quyền số 4213/2017/GUQ-PL&TT ngày 28/12/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng T và Giấy ủy quyền lại số 120/2018/UQ-TT ngày 02/01/2018).

2/ Bị đơn: Ông Hà Tấn V (vắng mặt)

Địa chỉ: 224 Lô 4, cư xá Thanh Đ, Phường 27, Bình T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 18/11/2011, nguyên đơn (S) cấp cho bị đơn thẻ tín dụng số 4628 8100 0038 9714, hạn mức sử dụng là 15,000,000 (mười lăm triệu) đồng, mục đích tiêu

dùng cá nhân, lãi suất là 2.05%/tháng. Ngày 05/7/2011, S thay đổi lãi suất, áp dụng mức lãi suất 2.15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011. Bị đơn đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15,960,476 (mười lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng và đã thanh toán số tiền 25,432,951 (hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn chín trăm năm mươi một) đồng. Kể từ ngày 29/12/2015, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào. Ngày 26/4/2016, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 4,942,583 (bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi ba) đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150 %/lãi suất công bố.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 16/11/2018 là 9,910,496 (chín triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng. Trong đó nợ gốc là 4,942,583 (bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 4,967,913 (bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười ba) đồng. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 17/11/2018 đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ, không yêu cầu bất cứ ai liên đới.

Quá trình giải quyết và kết quả tranh tụng tại phiên tòa ghi nhận như sau:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm nên không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bình T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

1.1 Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn là tổ chức tín dụng yêu cầu bị đơn là cá nhân phải thanh toán tiền nợ thẻ tín dụng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh ngày 19/12/2017 của Công an Phường 27, Bình T thì bị đơn ông Hà Tấn V có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 224 lô 4 cư xá T, Phường 27, Bình T, từ năm 2013 bán nhà đi đâu không rõ. Phía nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ khác của bị đơn. Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú nên địa chỉ 224 lô 4 cư xá T, Phường 27, Bình T được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Bình T.

1.2 Tư cách tố tụng: Ngân hàng S ủy quyền hợp lệ cho ông Phạm Trường T tham gia tố tụng, đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

1.3 Xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự:

Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

1.4 Thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các ngày 25/5/2018 và 28/9/2018.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 16/11/2018 là 9,910,496 (chín triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 4,942,583 (bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 4,967,913 (bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười ba) đồng. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 17/11/2018 đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên. Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Giá trị của Hợp đồng tín dụng:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng không số, ngày 09/5/2011, được phê duyệt ngày 18/5/2011 (gọi tắt là Hợp đồng) thì S thỏa thuận cấp thẻ tín dụng quốc tế, loại thẻ tín dụng OS Member, hạn mức tín dụng 15,000,000 (mười lăm triệu) đồng, chủ thẻ là ông Hà Tấn V, có hiệu lực từ tháng

5/2011 đến tháng 5/2014 đúng như nguyên đơn trình bày. Việc cấp thẻ này được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, có hiệu lực từ ngày 01/6/2010 và được niêm yết tại trang web của ngân hàng theo địa chỉ www.S.com.vn. Căn cứ vào Điều 407, 471 của Bộ luật Dân sự, đây là loại hợp đồng theo mẫu được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

2.2 Số nợ gốc:

Theo Tóm tắt sao kê và Bảng chi tiết giao dịch của khách hàng thì bị đơn thực hiện các giao dịch từ ngày 20/5/2011 bao gồm mua bán hàng hóa hoặc rút tiền mặt đều ghi rõ thời gian, số tiền, địa điểm. Từ kỳ 09/6/2011 đến kỳ 05/12/2015, bị đơn đã thanh toán nợ thẻ tín dụng nhiều lần. Trong thời gian này, bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng mà vẫn đóng tiền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để làm rõ việc sử dụng thẻ nhưng bị đơn đều vắng mặt. Các thông tin về vụ kiện đã được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn nhưng không nhận được ý kiến phản hồi chứng minh bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn giao nộp để đánh giá chứng cứ.

Theo thỏa thuận tại điểm Điều 23 của Hợp đồng, việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo là vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Ngày 05/12/2015, bị đơn thanh toán 450,000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, sau đó không thanh toán bất cứ khoản nào. Theo Thông báo giao dịch thẻ được gửi cho bị đơn ngày 25/3/2016 thì dư nợ cuối kỳ của bị đơn là 4,756,619 (bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm mười chín) đồng. Thời hạn sử dụng thẻ là 3 năm kể từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2014 và không được gia hạn do nợ quá hạn. Đến ngày 26/4/2016, bị đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng và quy định tại Điều 424, 474, 477 của Bộ luật Dân sự 2005.

Ngày 25/4/2016, số tiền gốc được chuyển thành nợ quá hạn là 4,942,583 (bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng bao gồm các giao dịch mua hàng, rút tiền mặt, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2018, số ngày tính lãi là 935 ngày.

2.3 Mức lãi suất:

Theo Điều 23 của Hợp đồng về cách tính lãi thì toàn bộ dư nợ của chủ thẻ là nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng. Tại Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh thẻ tín dụng quốc tế S thì mức lãi suất là 2.15%/tháng. Mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận bằng 150% của lãi trong hạn là 3.225%.

Xét, đối với hợp đồng tín dụng được xác lập từ ngày 01/01/2011 (ngày Luật Các tổ chức tín dụng 2010 có hiệu lực) đến trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực) thì áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Theo đó, tổ chức tín dụng cho vay theo lãi suất thỏa thuận mà không áp dụng mức lãi suất trần theo Bộ luật Dân sự 2005.

Tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật”. Như vậy, mức lãi suất của S thỏa thuận với khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Theo thỏa thuận, lãi suất được tính theo ngày.

Áp dụng Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng:

Từ ngày 25/4/2016 đến ngày 16/11/2018, dư nợ gốc là 4,942,583 đồng:

$$935 \text{ ngày} \times 4,942,583 \text{ đồng} \times \underline{3.225\%} = 4,967,913 \text{ đồng.}$$

30 ngày

Tổng cộng gốc và lãi là 9,910,496 (chín triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 17/11/2018 trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử lưu ý với bị đơn vấn đề như sau: Tại Thông báo số 1383/TB-TA ngày 19/12/2017, Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng từ thể hiện đã bàn giao thẻ cho khách hàng, ghi rõ số thẻ. Tại văn bản số 09/CV-TTT ngày 03/01/2018 do ông Nguyễn Hữu P là giám đốc Trung tâm thẻ trả lời cho Tòa án thì việc S giao nhận thẻ cho khách hàng với nhiều hình thức và giai đoạn khác nhau nên không thể cung cấp tài liệu thể hiện việc giao thẻ, số thẻ cho nguyên đơn. Điều này thể hiện nghiệp vụ Ngân hàng thiếu tính bảo mật, không chặt chẽ và bộc lộ nhiều rủi ro. Trong việc phát hành thẻ tín dụng, S cần khắc phục khâu giao nhận và quản lý hệ thống dữ liệu để lưu giữ chứng từ, đảm

bảo tính minh bạch trong hoạt động ngân hàng, tránh mất mát, nhầm lẫn khi cấp thẻ, đảm bảo việc cung cấp chứng cứ khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

[3] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Bình T, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 9,910,496 (chín triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 63, Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 238, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 407, 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Hà Tấn V phải trả cho Ngân hàng S số tiền gốc và lãi là 9,910,496 (chín triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng; trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc kể từ ngày 17/11/2018 cho đến khi ông Hà Tấn V thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Tấn V phải chịu án phí là 495,525 (bốn trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 300,000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003307 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Bình T.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. H;
- VKSND Q. Bình T;
- CCTHADS Q. Bình T;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng T